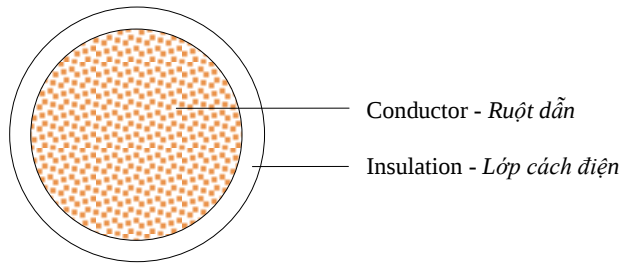


VSF – 450/750 V PVC insulation wire

• Construction of cable - Cấu trúc



Nominal area Tiết diện danh định	Conductor Ruột dẫn		Thickness of insulation Chiều dày cách điện Specified value Giá trị quy định	Max. conductor resistance Điện trở ruột dẫn lớn nhất (20°C)	Minimum insulation resistance Điện trở cách điện nhỏ nhất (70°C)	Mean overall diameter Đường kính ngoài trung bình		Approx. weight Trọng lượng gần đúng
	Composition Cấu tạo	Diameter Đường kính				Lower limit Giới hạn dưới	Upper limit Giới hạn trên	
mm ²	No/mm	mm	mm	Ω/Km	MΩ . Km	mm	mm	Kg/Km
1,5	30/0,25	1,8	0,7	13,3	0,010	2,8	3,4	22
2,5	50/0,25	2,4	0,8	7,98	0,009	3,4	4,1	34
4	56/0,30	3,0	0,8	4,95	0,007	3,9	4,8	50
6	84/0,30	3,9	0,8	3,30	0,006	4,4	5,3	72
10	80/0,40	5,1	1,0	1,91	0,0056	5,7	6,8	119
16	126/0,40	6,3	1,0	1,21	0,0046	6,7	8,1	177
25	196/0,40	7,8	1,2	0,780	0,0044	8,4	10,2	271
35	276/0,40	9,2	1,2	0,554	0,0038	9,7	11,7	370
50	396/0,40	11,0	1,4	0,386	0,0037	11,5	13,9	528
70	360/0,50	13,1	1,4	0,272	0,0032	13,2	16,0	729
95	475/0,50	15,1	1,6	0,206	0,0032	15,1	18,2	962
120	608/0,50	17,0	1,6	0,161	0,0029	16,7	20,2	1 206
150	756/0,50	19,0	1,8	0,129	0,0029	18,6	22,5	1 507
185	925/0,50	21,0	2,0	0,106	0,0029	20,6	24,9	1 845
240	1221/0,50	24,0	2,2	0,0801	0,0028	23,5	28,4	2 419

Note:

Nguyên liệu : Lead Free - không chì
V : PVC
SF : Single core flexible cord - dây mềm lõi đơn

• Specification - Đặc tính kỹ thuật

- Reference standart : IEC 60227-3 (TCVN 6610-3)
- Rated voltage U_0/U : 450/750 V
- Conductor Stranding : Class 5 conductors.
- Voltage test : 2500V / 5 min.
- Maximum conductor temperature in normal use: 70°C.
- Tiêu chuẩn áp dụng : IEC 60227-3 (TCVN 6610-3)
- Cấp điện áp U_0/U : 450/750 V
- Ruột dẫn : ruột dẫn cấp 5.
- Điện áp thử : 2500V / 5 min.
- Nhiệt độ ruột dẫn lớn nhất trong sử dụng bình thường: 70°C.